

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Cho các số 3,42 ; 4,23 ; 2,43; 4,32. Số lớn nhất trong các số đó là:

- A. 3,4 B. 4,23
C. 2,43 D. 4,32

Câu 2. 1 giờ 36 phút = giờ. Số cần điền vào chỗ trống là:

- A. 1,3 giờ B. 1,6 giờ
C. 1,06 giờ D. 1,36 giờ

Câu 3. Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 16cm^2 thì cạnh của hình lập phương đó là:

- A. 2cm B. 3cm
C. 4cm D. 6cm

Câu 4. Một hình tròn có đường kính là 1,2m thì diện tích của hình tròn đó là:

- A. $1,1304\text{m}^2$ B. $11,304\text{m}^2$
C. $4,5216\text{m}^2$ D. $3,768\text{m}^2$

Câu 5. 25% của 120 là:

- A. 25 B. 30
C. 40 D. 50

Câu 6. Một thùng đựng dầu không có nắp dạng hình lập phương có cạnh là 5dm. Để chống rỉ sét người ta sơn tất cả các mặt ngoài của thùng. Diện tích cần quét sơn cho thùng là:

- A. 100dm^2 B. 150dm^2
C. 125dm^2 D. 80dm^2

Phần 2. Tự luận (7 điểm)**Bài 1.** (2 điểm) Tìm x:

a) $136,5 - x = 5,4 : 0,12$

b) $x + 2,6 = 9,8 : 0,2$

.....

Bài 2. (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $145 + 637,38 : 18 \times 2,5$

b) $(27,8 + 16,4) \times 5$

Bài 3. (3 điểm) Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài là 4,5m, chiều rộng là 2,5m và chiều cao là 1,8m. (bể không có nắp đậy)

a) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của bể nước hình hộp chữ nhật đó.

b) Bể đó chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước? ($1\text{dm}^3 = 1\text{lít}$).

c) Trong bể đang có $16,2\text{m}^3$ nước. Tính chiều cao của mực nước trong bể.

Bài 4. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện

a) $5,68 + 7,03 + 12,97 + 4,32$

b) $7,25 \times 0,25 \times 40$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần 1. Trắc nghiệm**Câu 1.****Phương pháp:**

So sánh các số đã cho, từ đó tìm được số lớn nhất trong các số đó.

Cách giải:

So sánh các số ta có:

$$2,43 < 3,42 < 4,23 < 4,32.$$

Vậy số lớn nhất trong các số đó là: 4,32.

Chọn D.

Câu 2.**Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức: 1 giờ = 60 phút hay 1 phút = $\frac{1}{60}$ giờ.

Cách giải:

$$1 \text{ giờ } 36 \text{ phút} = 1\frac{36}{60} \text{ giờ} = 1\frac{6}{10} \text{ giờ} = 1,6 \text{ giờ}.$$

Chọn B.

Câu 3.**Phương pháp:**

- Tính diện tích một mặt ta lấy diện tích xung quanh chia cho 4.
- Tìm số a sao cho diện tích một mặt bằng a nhân với a, từ đó độ dài cạnh của hình lập phương là a cm.

Cách giải:

Diện tích một mặt của hình lập phương đó là:

$$16 : 4 = 4 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Ta có: $2 \times 2 = 4$, do đó cạnh của hình lập phương đó là 2cm.

Chọn A.

Câu 4.**Phương pháp:**

- Tính bán kính = đường kính : 2.
- Muốn tính diện tích của hình tròn ta lấy bán kính nhân với bán kính rồi nhân với số 3,14.

Cách giải:

Bán kính hình tròn đó là:

$$1,2 : 2 = 0,6 \text{ (m)}$$

Diện tích hình tròn đó là:

$$0,6 \times 0,6 \times 3,14 = 1,1304 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1,1304m².

Chọn A.

Câu 5.

Phương pháp:

Để tìm 25% của 120 ta lấy 120 chia cho 100 rồi nhân với 25 hoặc lấy 120 nhân với 25 rồi chia cho 100.

Cách giải:

25% của 120 là :

$$120 : 100 \times 25 = 30$$

Đáp số: 30.

Chọn B.

Câu 6.

Phương pháp:

Vì thùng không có nắp nên diện tích cần quét sơn cho thùng bằng 5 lần diện tích một mặt.

Cách giải:

Diện tích một mặt của cái thùng đó là:

$$5 \times 5 = 25 \text{ (dm)}$$

Diện tích cần quét sơn cho thùng là:

$$25 \times 5 = 125 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số: 125dm².

Chọn C.

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Phương pháp:

- Tính giá trị vế phải trước
- Xác định vai trò của x (số trừ hay số hạng ...) rồi áp dụng các quy tắc:
 - + Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.
 - + Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.

Cách giải:

a) $136,5 - x = 5,4 : 0,12$

$$136,5 - x = 45$$

$$x = 136,5 - 45$$

$$x = 91,5$$

$$\text{b) } x + 2,6 = 9,8 : 0,2$$

$$x + 2,6 = 49$$

$$x = 49 - 2,6$$

$$x = 46,4$$

Bài 2.

Phương pháp:

- Biểu thức có dấu ngoặc thì tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

- Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện phép nhân, chia trước; thực hiện phép cộng, trừ sau

Cách giải:

$$\text{a) } 145 + 637,38 : 18 \times 2,5$$

$$= 145 + 35,41 \times 2,5$$

$$= 145 + 88,525$$

$$= 233,525$$

$$\text{b) } (27,8 + 16,4) \times 5$$

$$= 44,2 \times 5$$

$$= 221$$

Bài 3.

Phương pháp:

a) - Tính diện tích xung quanh ta lấy chu vi đáy nhân với chiều cao.

- Tính diện tích đáy ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

- Tính diện tích toàn phần ta lấy diện tích xung quanh cộng với diện tích một mặt đáy (vì bể nước không có nắp đậy).

b) Số lít nước bể đó chứa được nhiều nhất chính là thể tích của bể nước.

Muốn tìm bể nước ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao, sau đó đổi sang đơn vị đo là đề-xi-mét rồi đổi sang đơn vị lít.

c) Tính chiều cao của mực nước trong bể ta lấy thể tích nước đang có trong bể chia cho diện tích đáy.

Cách giải:

a) Diện tích xung quanh của bể nước là:

$$(4,5 + 2,5) \times 2 \times 1,8 = 25,2 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích đáy của bể nước là:

$$4,5 \times 2,5 = 11,25 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của bể nước là:

$$25,2 + 11,25 = 36,45 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Thể tích của bể nước là:

$$4,5 \times 2,5 \times 1,8 = 20,25 \text{ (m}^3\text{)}$$

$$20,25\text{m}^3 = 20250\text{dm}^3 = 20250 \text{ lít.}$$

c) Chiều cao của mực nước trong bể là:

$$16,2 : 11,25 = 1,44 \text{ (m)}$$

Đáp số: a) $25,2\text{m}^2$; $36,45\text{m}^2$;

b) 20250 lít.

c) 1,44m.

Bài 4.

Phương pháp:

Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng và phép nhân để nhóm các số có tổng hoặc tích là số tròn chục, tròn trăm, ...

Cách giải:

$$\begin{aligned} \text{a) } & 5,68 + 7,03 + 12,97 + 4,32 \\ & = (5,68 + 4,32) + (7,03 + 12,97) \\ & = 10 + 20 \\ & = 30 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 7,25 \times 0,25 \times 40 \\ & = 7,25 \times (0,25 \times 40) \\ & = 7,25 \times 10 \\ & = 72,5 \end{aligned}$$